**BIỂU SỐ 03**

**THUYẾT MINH CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MỨC CHI TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

*(Kèm theo Bản thuyết minh)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  *(đơn vị tính: Đồng)* | | | **Cơ sở đề xuất mức chi** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |  | Theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC, mức chi cho nội dung này không tăng so với Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP. Do vậy, UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên mức chi tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10/4/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. |
| a | Chủ trì cuộc họp | Người/buổi | 150.000 | 100.000 | 80.000 |
| b | Các thành viên tham dự | Người/buổi | 100.000 | 80.000 | 50.000 |
| 2 | Chi lấy ý kiến chuyên gia | 01 văn bản | 1.500.000 | 1.200.000 | 900.000 | Hiện nay, Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND đang quy định mức chi bằng mức tối đa theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.  Ngoài ra, áp dụng tương tự mức chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC): Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi là *1.500.000 đồng/văn bản.*  Do vậy, đối với cấp tỉnh, dự thảo Nghị quyết đề xuất mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC. Đối với cấp huyện, cấp xã: UBND tỉnh đề xuất mức chi lần lượt là 1.200.000 đồng/01 văn bản (*bằng 80% mức chi cấp tỉnh*); 900.000 đồng/văn bản (*bằng 60% mức chi của cấp tỉnh*) để đảm bảo phù hợp với tính chất phức tạp và phạm vi điều chỉnh của văn bản mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| 3 | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |  | Dự thảo Nghị quyết đề xuất mức chi bằng 70% mức tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC. Cụ thể, đối với cấp tỉnh, 70% x 7.000.000 đồng = 4.900.000 đồng/báo cáo (làm tròn lên mức 5.000.000 đồng/báo cáo).  Đối với cấp huyện: 70% x 3.000.000 đồng = 2.100.000 đồng/báo cáo (làm tròn mức chi là 2.000.000 đồng/báo cáo).  Đối với cấp xã: 70% x 1.500.000 đồng = 1.050.000 đồng/báo cáo (làm tròn mức chi là 1.000.000 đồng/báo cáo). |
| a | Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng sở, ban, ngành, tổ chức, cơ quan nhà nước khác ở địa phương, đơn vị), cụ thể: | 01 báo cáo |  |  |  |
|  | - Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01 báo cáo | 5.000.000 | | |
|  | - Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân tỉnh quyết định thành lập | 01 báo cáo | 2.000.000 | | |
|  | - Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập | 01 báo cáo | 1.000.000 | | |
| b | Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | 01 báo cáo | 400.000 | 320.000 | 240.000 | Đối với cấp tỉnh, UBND tỉnh đề xuất quy định mức chi tối đa theo Thông tư số 09/2013/TT-BTC. Bởi thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản cho thấy, việc đánh giá văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp là một nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi công chức phải dành thời gian nghiên cứu, phân tích, lập luận, đánh giá sự phù hợp của các quy phạm pháp luật với văn bản pháp luật cấp trên và tình hình thực tiễn. Bên cạnh đó, so với mức chi cũ tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND *(bằng mức tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP là 200.000đ/báo cáo)* thì sau 10 năm thi hành, việc tăng lên mức chi 400.000 đồng/báo cáo như tại dự thảo là phù hợp với tình hình thực tiễn.  Đối với báo cáo đánh giá về văn bản cấp huyện, cấp xã trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp: UBND tỉnh đề xuất mức chi lần lượt là 320.000 đồng/báo cáo (*bằng 80% mức chi cấp tỉnh*), 240.000 đồng/báo cáo (*bằng 60% mức chi của cấp tỉnh*) để đảm bảo phù hợp với tính chất phức tạp và phạm vi điều chỉnh của văn bản mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| 4 | Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp) |  | 300.000 | 240.000 | 180.000 | UBND tỉnh đề xuất mức chi cho cấp tỉnh là 300.000 đồng/lần chỉnh lý, bằng mức chi chỉnh lý quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC): Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản: Mức chi 900.000 đồng/lần chỉnh lý; *riêng văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mức chi 300.000 đồng/lần chỉnh lý.*  Mức chi của cấp huyện là 240.000 đồng, bằng 80% mức chi của cấp tỉnh; mức chi của cấp xã là 180.000 đồng, bằng 60% mức chi của cấp tỉnh. |
| 5 | Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng |  | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND, phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC và với thực tiễn. |
| 6 | Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP |  |  |  |  | Khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về kiểm tra theo thẩm quyền (cấp xã không có nhiệm vụ này). Do vậy, UBND tỉnh không đề xuất quy định mức chi đối với cấp xã.  Kiểm tra văn bản là nhiệm vụ khó, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có sự hiểu biết về pháp luật và tình hình thực tiễn. Do vậy, UBND tỉnh đề xuất mức chi của cấp tỉnh bằng mức chi tối đa tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC là 500.000 đồng, mức chi của cấp huyện là 400.000 đồng, bằng 80% mức chi của cấp tỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và với yêu cầu thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| a | Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 01 văn bản | 250.000 | 200.000 |  |
| b | Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 500.000 | 400.000 |  |
| 7 | Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | 01 văn bản | 200.000 | 160.000 | 120.000 | UBND tỉnh đề xuất mức chi bằng mức tối đa tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC; mức chi của cấp huyện và cấp xã lần lượt bằng 80%, 60% mức chi của cấp tỉnh để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn thực hiện nhiệm vụ tại mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| 8 | Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản |  |  |  |  | Về đối tượng áp dụng, theo điểm c khoản 1 Điều 176 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “*c) Người đứng đầu cơ quan kiểm tra văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu xây dựng, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện căn cứ yêu cầu, điều kiện thực tế của cơ quan, địa phương mình ban hành quy chế cộng tác viên kiểm tra văn bản; ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật về hợp đồng”.* Do vậy, UBND tỉnh đề xuất không quy định mức chi đối với cấp xã.  Về mức chi cụ thể, như trên đã nêu, kiểm tra văn bản là nhiệm vụ khó, phức tạp. Do vậy, UBND tỉnh đề xuất mức chi cho cấp tỉnh bằng mức tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC là 600.000 đồng; mức chi của cấp huyện là 480.000 đồng, bằng 80% mức chi của cấp tỉnh để đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| a | Mức chi chung | 01 văn bản | 300.000 | 240.000 |  |
| b | Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp | 600.000 | 480.000 |  |
| 9 | Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản | 01 văn bản | 250.000 | 200.000 | 150.000 | UBND tỉnh đề xuất mức chi của cấp tỉnh bằng mức tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC; mức chi của cấp huyện, cấp xã lần lượt bằng 80%, 60% mức chi của cấp tỉnh để bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư và phù hợp với yêu cầu thực tiễn thực hiện nhiệm vụ tại mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| 10 | Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 01 văn bản | 150.000 | 120.000 |  | Khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả hệ thống hoá (không quy định trách nhiệm của cấp xã), do vậy, UBND tỉnh không đề xuất quy định mức chi đối với cấp xã.  Tương tự như nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản thì kiểm tra lại kết quả hệ thống hoá văn bản cũng là nhiệm vụ khó, đòi hỏi cán bộ phải có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc. Việc kiểm tra lại kết quả hệ thống hoá văn bản sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả hệ thống hoá trước khi trình cấp thẩm quyền công bố công khai theo quy định. Thực tế thực hiện nhiệm vụ hệ thống hoá văn bản cho thấy, kết quả hệ thống hóa của các đơn vị có chất lượng chưa thực sự đảm bảo, do đó, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện phải đầu tư nhiều thời gian, công sức để kiểm tra, trao đổi, hoàn thiện kết quả hệ thống hóa.  Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất mức chi của cấp tỉnh bằng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC; mức chi của cấp huyện bằng 80% mức chi của cấp tỉnh để đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại mỗi cấp chính quyền địa phương. |
| 11 | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |  |  |
| a | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | 01 văn bản | 150.000 | 120.000 |  | Khoản 4 Điều 178 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định*: “4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm cập nhật các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản”.* Do vậy, UBND tỉnh đề xuất không quy định mức chi đối với cấp xã.  UBND tỉnh đề xuất mức chi đối với cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư, cấp huyện bằng 80% mức chi của cấp tỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC và tính chất, yêu cầu của nhiệm vụ rà soát văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản. |
| b | Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |  |  |
|  | - Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí | 01 tài liệu (01 văn bản) | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | UBND tỉnh đề xuất mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp để phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC và phù hợp với thực tiễn. |
|  | - Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn | 01 tài liệu (01 văn bản) | 70.000 | 56.000 |  | So với mức chi quy định tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND thì mức chi theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC tăng không nhiều (tăng 20.000 đồng). Sau 10 năm triển khai thi hành, để phù hợp với Thông tư số 09/2023/TT-BTC và thực tiễn, UBND tỉnh đề xuất mức chi đối với cấp tỉnh bằng mức chi tối đa tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC; mức chi đối với cấp huyện bằng 80% mức chi của cấp tỉnh. |
| 12 | Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp | | | UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên theo quy định của Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND, đảm bảo phù hợp với Thông tư số 09/2023/TT-BTC và thực tiễn thực hiện. |
| 13 | Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm. |  | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí | | | UBND tỉnh đề xuất mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp để phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC và với thực tiễn. |